TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày 08-11-2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.
2. Ông Nguyễn Minh Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T;

Địa chỉ: Số 89, đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: ông Trần Trường G, sinh năm: 1988; Chức vụ: Chuyên viên tố tụng; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 277/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/5/2019)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông G đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn có mặt; bị đơn bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng T, ông Trần Trường G trình bày:

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2014, bà Nguyễn Thị Diễm H có ký hợp đồng tín dụng số 20140623-103031-0001 với Ngân hàng T vay số tiền 41.066.824 đồng; lãi suất thỏa thuận 4.59%/tháng (55,08%/năm) để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận

trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi với số tiền là 76.640.000 đồng, hình thức trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng, 28 tháng đầu mỗi tháng trả 2.590.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.120.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2014. Bà H đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng được 22 lần với số tiền 57.016.000 đồng (trong đó 25.568.228 đồng nợ gốc và tiền lãi 31.447.7724 đồng), còn nợ số tiền gốc 15.498.596 đồng và tiền lãi 4.425.404 đồng. Kể từ ngày 01/12/2016 bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần.

Tại phiên tòa, ông Trần Trường G đại diện Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Diễm H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.498.596 đồng, không yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn 4.425.404 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo Biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2019 ý kiến bà H như sau:

Bà H thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 20140623-103031-0001 ngày 23/6/2014 với Ngân hàng T vay số tiền 41.066.563 đồng và số tiền phải trả là 76.640.000 đồng. Sau khi khấu trừ khoản vay trước đó và phí bảo hiểm thì bà thực nhận tiền mặt 22.000.000 đồng, thời hạn vay 29 tháng (29 kỳ), mỗi tháng trả 2.590.000 đồng, bà đã trả được 24 kỳ số tiền 62.160.000 đồng, còn nợ lại 05 kỳ. Tuy nhiên bà H không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" là đúng pháp luật. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 217, 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết theo quy định.

Về nội dung: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà H đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 23/6/2014 với Ngân hàng T để vay 41.066.824 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.59%, bà H có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi với số tiền 76.640.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng, 28 tháng đầu mỗi tháng trả 2.590.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.120.000 đồng. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa bà H với Ngân hàng T là hoàn toàn tự nguyện. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã không trả tiền vay đến ngày 01/12/2016 còn tiền nợ gốc 15.498.596 đồng và lãi chưa trả theo đúng kỳ hạn. Tại phiên tòa, ông G đại diện Ngân hàng T yêu cầu bà H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc số tiền 15.498.596 đồng. Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bà H không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng T là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", căn cứ Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa, ông Trần Trường G đại diện Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Diễm H phải trả cho Ngân hàng T nợ gốc số tiền 15.498.596 đồng, còn số tiền lãi trong hạn 4.425.404 đồng không yêu cầu trả. Xét thấy: Căn cứ vào Đơn đề nghị cấp vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140623-103031-0001 do Ngân hàng T ký kết với bà Nguyễn Thị Diễm H vào ngày 23/6/2014 thể hiện bà H có vay số tiền 41.066.824 đồng, lãi suất 4.59%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi số tiền 76.640.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng, mỗi tháng trả 2.590.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.120.000 đồng, bắt đầu thanh toán ngày 01/8/2014. Như vậy, giữa Ngân hàng T với bà H đã xác lập hợp đồng vay và có thỏa thuận lãi suất được quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Sau khi vay tiền đến ngày 30/11/2016 bà H đã thanh toán cho Ngân hàng T được 22 lần với số tiền 57.016.000 đồng, trong đó tiền gốc 25.568.228 và tiền lãi 31.447.772 đồng, hiện còn nợ gồm tiền gốc 15.498.596 tiền và tiền lãi trả trong hạn là 4.425.404 đồng. Kể từ ngày 01/12/2016 bà H không thanh toán, không thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết theo Hợp đồng tín dụng. Do đó, bà H đã vi phạm hợp đồng không trả số tiền vay như thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng T nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ và Tòa án đã nhiều lần thông báo bà H đến tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H không hợp tác và không có thiện chí trả. Cho nên, ông G đại diện cho Ngân hàng T chỉ yêu cầu bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.498.596 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Bà H thừa nhận có vay Ngân hàng T số tiền 41.066.563 đồng và số tiền phải trả là 76.640.000 đồng, bà H xác định còn nợ Ngân hàng T nhưng bà không đồng ý tiền theo yêu cầu của Ngân hàng T. Xét thấy, bà H đã tự nguyện ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng T để tiêu dùng cá nhân là do ý chí nguyện vọng của bà không ai ép buộc. Hơn nữa, trước đó vào năm 2013 bà H đã vay tiền và đã trả tiền đúng theo hợp đồng, do bà H là khách hàng đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng T tiếp tục cho vay và lần này thì bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà H cho rằng bà đã trả 24 kỳ với số tiền 62.160.000 đồng, còn nợ lại 05 kỳ số tiền 14.480.000 đồng (gồm 12.563.374 đồng tiền gốc và tiền lãi 1.916.626 đồng) nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngân hàng T đã cung cấp các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ có đủ cơ sở để xác định bà H trả 22 lần với số

tiền 57.016.000 đồng (gồm 25.568.228 đồng nợ gốc và tiền lãi 31.447.7724 đồng), còn nợ 19.924.000 đồng (gồm số tiền gốc 15.498.596 đồng và tiền lãi 4.425.404 đồng). Do đó, bà H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông G đại diện cho Ngân hàng T yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[4] *Về án phí*: bà H phải chịu 775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngân hàng T không phãi chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 490.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008742 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35,39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T do ông Trần Trường G làm đại diện đối với bà Nguyễn Thị Diễm H.

Buộc bà Nguyễn Thị Diễm H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 15.498.596 đồng.

Kể từ ngày 09/11/2019, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 490.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008742 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ; - Lưu án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung